

BÁO CÁO

Tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản năm 2018

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

1.1. Các văn bản quản lý đã ban hành

- Quyết định 01/2018/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản do UBND tỉnh thành lập đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 thành lập Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của UBND tỉnh năm 2018.

- Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 ban hành nội quy đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định 237/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 về bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 về ban hành bổ sung phụ lục xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Kế hoạch số 3098/KH-UBND ngày 03/4/2018 về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 18/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hoạt động quản lý, khai thác, vận chuyển và kinh doanh khoáng sản cát, sỏi và đất, đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 phê duyệt các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Khánh Hòa năm 2019.

- Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2019.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai kế hoạch hàng năm tập huấn, tuyên truyền, phổ biến cùng với các văn bản pháp luật về Luật Khoáng sản cho toàn bộ UBND cấp huyện (lãnh đạo các phòng ban trực thuộc đơn vị, lãnh đạo UBND cấp xã và cán bộ phụ trách về lĩnh vực khoáng sản) và các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản

Thực hiện theo quy định tại điểm d Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều 10 Luật Khoáng sản năm 2010, quy định kỳ quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh là 05 năm, tầm nhìn 10 năm, UBND tỉnh đã triển khai lập mới về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 và đã phê duyệt tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2018.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

3.1. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 về quy chế giá quyền khai thác khoáng sản của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản do UBND tỉnh thành lập đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác của UBND tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 ban hành nội quy đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác của UBND tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Khánh Hòa năm 2019.

3.2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

Tất cả các hồ sơ tiếp nhận, thẩm định, trình UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đều được tiếp nhận tại bộ phận “một cửa” Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện giải quyết hồ sơ theo TCVN ISO 9001-2008. Các hồ sơ đều được giải quyết trước thời hạn quy định, kết quả theo Phụ lục đính kèm.

3.3. Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

3.3.1. Hồ sơ đã được UBND tỉnh phê duyệt tiếp tục phải nộp tiền cấp quyền trong năm 2019 và các năm tiếp theo là 37 hồ sơ.

3.3.2. Hồ sơ đã được UBND tỉnh phê duyệt năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018) là 21 hồ sơ.

3.3.3. Việc thu tiền cấp quyền trên địa bàn tỉnh năm 2018

- Đối với các hồ sơ do Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt

+ Tổng tiền cấp quyền phải nộp trong năm 2018: 7.841.754.000 đồng;

+ Số nợ tiền cấp quyền năm 2017 chuyển sang: 1.658.258.000 đồng;

+ Tiền ngân sách nhà nước đã thu trong năm: 9.500.012.000 đồng;

+ Tiền tạm thời chưa thu theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ: 1.475.907.000 đồng;

+ Tiền còn nợ chuyển sang năm 2019: 0 đồng.

- Đối với các hồ sơ do UBND tỉnh phê duyệt

+ Tổng tiền cấp quyền phải nộp trong năm: 23.494.975.117 đồng;

+ Số tiền nợ cấp quyền năm 2017 chuyển sang: 15.638.763.870 đồng;

+ Tiền ngân sách nhà nước đã thu trong năm: 28.970.528.594 đồng;

+ Tiền tạm thời chưa thu theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ: 3.994.562.444 đồng;

+ Tiền còn nợ chuyển sang năm 2019: 10.163.210.393 đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

4.1. Thanh tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra định kỳ năm 2018 và thanh tra đột xuất các doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Kết quả, Chánh thanh tra Sở đã ban hành 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính 02 doanh nghiệp với số tiền là 145 triệu đồng.

Ngoài ra, kết quả xử lý vi phạm hành chính theo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra hoạt động khoáng sản tại tỉnh Khánh Hòa thành lập theo Quyết định số 544/QĐ-ĐCKS ngày 29/5/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra hoạt động khoáng sản tại tỉnh Khánh Hòa thành lập theo Quyết định số 543/QĐ-ĐCKS ngày 29/5/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cụ thể:

- Tổng cục ĐCKS Việt Nam: ban hành 09 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực khoáng sản đối với 07 đơn vị với tiền phạt là 3.862 triệu đồng.

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 06 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực khoáng sản đối với 06 đơn vị với tiền phạt là 1.093 triệu đồng.

- Chánh Thanh tra Sở ban hành 01 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực khoáng sản đối với 01 đơn vị với tiền phạt là 50 triệu đồng.

4.2. Kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã tiến hành kiểm tra định kỳ năm 2018 đối với 05 doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản và rà soát các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Kết quả, đã kịp thời phát hiện những sai phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản. Những vi phạm trong hoạt động khoáng sản đều có biện pháp xử lý thích hợp, đã thu hồi 01 Giấy phép khai thác khoáng sản; các tồn tại khác, đã kịp thời nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện đúng theo quy định của Luật Khoáng sản.

Ngoài ra, UBND các cấp và các sở, ban, ngành trong tỉnh theo chức năng nhiệm vụ, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản theo quy định. Kết quả thanh tra, kiểm tra, UBND cấp huyện và các sở ban ngành trên địa bàn tỉnh đã xử 1.008 trường hợp khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép: xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.043.936.456 đồng; tịch thu 1.465 m³ cát, 98 kg vonfram, 35 ghe hút cát trái phép; 94 vụ vi phạm xe quá tải, xử phạt 467 triệu đồng và 122 vụ vi phạm xử chở hàng rơi vãi, xử phạt 244 triệu đồng.

Nhìn chung, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện những sai phạm các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; tình trạng khai thác, tàng trữ, vận chuyển khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã được hạn chế. Những vi phạm đều có biện pháp xử lý thích hợp, kịp thời và giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng trong tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn quản lý.

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

UBND tỉnh Khánh Hòa đã ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 và Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 về việc ban hành Quy chế phối hợp, trao đổi thông tin và phát hiện xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, quy định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan liên quan về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh, đặc biệt, quy định cụ thể đối với UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã, cụ thể: *UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền các hành vi khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn; mua, bán vận chuyển, tiêu thụ và tàng trữ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp tại địa phương hoặc trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật; Chỉ đạo,*

quán triệt trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch UBND cấp xã trước Chủ tịch UBND cấp huyện đối với hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn; Chủ tịch UBND cấp huyện phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không kịp thời ngăn chặn, xử lý; UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý, kiểm tra, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa được phép khai thác tại địa phương; kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có hoạt động khoáng sản...

UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giám sát hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn, trong đó thực hiện giám sát hoạt động qua việc gắn camera giám sát tại các bãi tập kết, đường vào mỏ khu vực được cấp phép; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xử lý đúng quy định; có kế hoạch chi tiết bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp để xảy ra vi phạm, ảnh hưởng đến đất đai, công trình trên đất, đời sống của người dân thì ngoài việc bị trừ điểm thi đua theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh bổ sung phụ lục xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản, Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 quy định nội dung đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hòa (Phụ lục 1 Bảng chấm điểm thi đua của cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố, tại nội dung STT 11 có đánh giá, xếp loại “nhiệm vụ công tác bảo vệ khoáng sản”), UBND tỉnh sẽ xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu - Chủ tịch UBND các địa phương theo quy định.

6. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

6.1. Thuận lợi

Quy định về nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã hạn chế được sự đầu cơ, “mua bán” trong khai thác khoáng sản. Đồng thời, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

6.2. Khó khăn và tồn tại

- Tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển, tàng trữ khoáng sản đất, cát làm VLXDĐT trái phép vẫn diễn ra phức tạp, tinh vi, các đối tượng vi phạm thường thực hiện hành vi vi phạm ngoài giờ hành chính (ban đêm, giờ nghỉ, ngày chủ nhật, lễ, tết...) gây tác động xấu đến cảnh quan môi trường.

- Cán bộ quản lý nhà nước về khoáng sản ở cấp tỉnh đạt yêu cầu trình độ năng lực chuyên môn, tuy nhiên số lượng còn ít; cán bộ ở cấp huyện và cấp xã

chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cả về số lượng và năng lực chuyên môn, do kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực (đất đai, môi trường và khoáng sản).

- Triển khai Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Công văn số 388/BTNMT-ĐCKS ngày 31/7/2017 gặp một số khó khăn về công tác thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản như báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5520/STNMT-KS ngày 07/12/2017 gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, cụ thể: *Đối với trường hợp trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản mà chưa có hệ số nở rời, tuy nhiên, trong thiết kế cơ sở lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản có hệ số nở rời H_n thì áp dụng hệ số nở rời trong thiết kế cơ sở này được hay không? Hay phải áp dụng theo Tiêu chuẩn Quốc gia số TCVN 4447 : 2012 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi?*

- Sau khi được UBND tỉnh xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình theo Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, các đơn vị được thu hồi, vận chuyển khoáng sản đất, đá dư thừa làm vật liệu san lấp trong các dự án đầu tư xây dựng công trình.

Thực tế một số dự án chưa được cấp giấy phép xây dựng hạ tầng, chưa được giao đất, cho thuê đất vẫn tiến hành thu hồi, vận chuyển khoáng sản đất, đá dư thừa làm vật liệu san lấp trong các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định nêu trên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 18 Giấy phép thăm dò khoáng sản đang còn hiệu lực (11 giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường và 7 giấy phép của UBND tỉnh cấp). Năm 2018, UBND tỉnh đã phê duyệt 01 báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản (chi tiết đính kèm Phụ lục 1, 2).

Tất cả các khu vực cấp phép thăm dò khoáng sản nêu trên đều nằm trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2015 và định hướng sau năm 2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 20/8/2014, hiện nay là Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/01/2018.

2. Công tác khai thác khoáng sản

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 65 Giấy phép khai thác khoáng sản đang còn hiệu lực (18 giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường và 47 giấy phép của

UBND tỉnh cấp). Trong đó, năm 2018, UBND tỉnh đã cấp 06 giấy phép khai thác khoáng sản (chi tiết đính kèm Phụ lục 3).

Việc khai thác khoáng sản đã đáp ứng được nhu cầu nguồn vật liệu xây dựng thông thường cho các dự án trên địa bàn tỉnh (chi tiết đính kèm Phụ lục số 4), gồm:

- Đất san lấp: 41.395 m³;
- Đá làm VLXDĐT: 991.271 m³;
- Đá khối: 19.376 m³;
- Nước khoáng tắm du lịch: 438.206 m³;
- Nước khoáng đóng chai: 73.214 m³;
- Cát trắng thuỷ tinh: 224.027 m³;
- Sét bùn: 3.240 tấn.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

- Thuế tài nguyên: 47.728.157.238 đồng;
- Phí bảo vệ môi trường: 10.154.237.507 đồng;
- Thuế xuất khẩu khoáng sản: 14.652.869.625 đồng;
- Số tiền ký quỹ phục hồi môi trường đã nộp: 6.534.485.494 đồng.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NỘI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản: sau khi được cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các đơn vị thực hiện bồi thường, hỗ trợ đền bù hoa màu cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất để lập thủ tục thuê đất, khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm: 805 người và thu nhập bình quân khoảng hơn 60 triệu đồng/năm;

3. Các đơn vị được cấp phép khai thác đều thực hiện bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản theo dự án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo quy định.

IV. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khai thác bù trữ lượng cấp phép

Đối với trữ lượng khoáng sản các năm trước đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa khai thác hết trữ lượng được cấp phép khai thác thì được cộng dồn vào năm tiếp theo.

2. Bổ sung Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, cụ thể, bổ sung thêm thành phần hồ sơ đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình, gồm:

- Giấy phép xây dựng hạ tầng của dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định cho thuê đất, giao đất của dự án đầu tư xây dựng công trình.

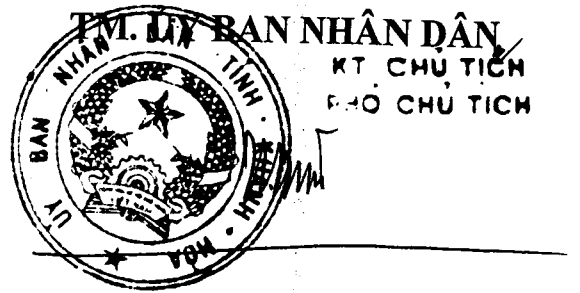
3. Điều chỉnh điểm b Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP quy định về Vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản: *Báo cáo tài chính của năm gần nhất đã được kiểm toán.*

Trên đây là Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản năm 2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa; đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc, kiến nghị theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, trình có quan có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Cục KSHĐKS miền Nam;
- Sở: TN&MT, XD, CT;
- Lưu: VT+HN. 2



Đào Công Thiên

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP THẨM ĐÒ KHOÁNG SẢN ĐANG CÒN HIỆU LỰC
 Kèm theo Báo cáo số 26 /BC-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục 1

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thẩm dò	Diện tích thẩm dò (ha)	Ghi chú
I	Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường						
1	1809/GP-BTNM	09/08/2016	Đá granit làm VLXD	Công ty Cổ phần VLXD KH	Khu vực Tân Dân, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	14,77	24 tháng
2	676/GP-BTNM	03/04/2017	Đá granit làm VLXD	Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	Khu vực Tân Dân, xã Vạn Thắng, xã Vạn Khánh	5,3	24 tháng
3	2034/GP-BTNM	23/08/2017	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Bách Việt	xã Vạn Khánh và xã Vạn Thắng,	10	28 tháng
4	1950/GP-BTNM	08/10/2017	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Đại Hữu Khánh Hòa	Khu vực Tân Dân, xã Vạn Khánh	22	36 tháng
5	478/GP-BTNM	09/03/2016	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Sao Biển	Núi Đạn, xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh	26,9	36 tháng; đã được HDDGTLKS QG phê duyệt TL; đang lập HS KTKS
6	1649/GP-BTNM	22/07/2016	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Sơn Phát	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	25	30 tháng; ; đã được HDDGTLKS QG phê duyệt TL; đang lập HS KTKS
7	1650/GP-BTNM	22/07/2016	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Tâm Việt	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	16	30 tháng; đã được HDDGTLKS QG phê duyệt TL; đang lập HS KTKS
8	2399/GP-BTNM	18/10/2016	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Bách Việt	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	5	36 tháng
9	677/GP-BTNM	03/04/2017	Đá granit làm VLXD	Công ty Cổ phần VLXD KH	Khu vực núi Hòn Chuông, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	13,8	36 tháng
10	34/GP-BTNM	10/01/2017	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Sao Biển	Khu vực núi Hòn Chuông, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	10,2	36 tháng
11	1727/GP-BTNM	18/07/2017	Đá granit làm VLXD	Công ty CP Chế biến gỗ Việt Đức	Khu vực núi Hòn Chuông, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	5,6	03 năm
II	Giấy phép do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp						
1	2504/GP-UBND	24/08/2016	Sét bùn	Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nông Nha Trang Seafoods F17	xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa	1,47	24 tháng; đã được UBND tỉnh phê duyệt TLKS; đã nộp HS KTKS
2	165/GP-UBND	16/01/2017	Sét bùn	Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nông Nha Trang Seafoods F17	xã Ninh Bình, thị xã Ninh Hòa	0,8	24 tháng
3	154/GP-UBND	16/01/2017	Sét bùn	Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nông Nha Trang Seafoods F17	xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	1,3	24 tháng
4	3952/GP-UBND	26/12/2016	Cát làm VLXD TT	Công ty cổ phần Khai thác Vật liệu xây dựng Diên Khánh	sông Cái và nhánh sông Cái Diên Khánh, huyện Diên Khánh	73,71	36 tháng; đã được UBND tỉnh phê duyệt TLKS

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha)	Ghi chú
5	3627/GP-UBND	28/11/2016	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty Cổ phần Dầu tư Kinh doanh Hưng Lộc	xã Cam Hòa, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm	34,9	36 tháng; đã được UBND tỉnh phê duyệt TLKS; đang lập HS KTKS
6	2057/GP-UBND	17/07/2017	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ - Xây dựng Khánh Vinh	xã Diên An, huyện Diên Khánh	13,2	36 tháng; đã được UBND tỉnh phê duyệt TLKS; đang lập HS KTKS
7	2900/GP-UBND	02/10/2017	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty TNHH Thương mại và KT Vạn Thịnh Phát	núi Hòn Ngang, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh	3,08	24 tháng

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ THẨM DÒ KHOÁNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP UBND TỈNH CẤP
 Kèm theo Báo cáo số 16 /BC-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục 2

TT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt						Ghi chú
						Cấp 121		Cấp 122				
						Đất (m ³)	Đá (m ³)	Đất (m ³)	Đá (m ³)	Cát (m ³)	Sét bùn (tấn)	
1	2057/GP-UBND	17/07/2017	Đất, đá VLXDĐT	13,2	xã Diên An, huyện Diên Khánh	0	7.504.611	822.796	0	0	0	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ - Xây dựng Khánh Vĩnh; QĐ PĐTLKS số 571/QĐ-UBND ngày 26/02/2018

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 Kèm theo Báo cáo số 26 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục 3

TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích KT (ha)	Trữ lượng khai thác			Công suất khai thác					Ghi chú (thời hạn KT)			
						Đất (m ³)	Đá (m ³)	Cát làm VLXDTT (m ³)	Cát làm VLXD (tấn)	Sét bùn (tấn)	Đất (m ³ /năm)	Đá (m ³ /năm)	Cát VLXDTT (m ³ /năm)		Cát làm VLXD (tấn/năm)	NK (m ³ /ngày)	Sét bùn (tấn/năm)
I Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường																	
1	1684/GP-BTNMT, 28/8/2009	Đá granit làm VLXD	Công ty CP VLXD Khánh Hòa	Xã Vạn Khánh, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	6,71	0	720.000	0	0	0	0	24.000	0	0	0	0	28/08/2039
2	1321/GP-BTNMT, 27/7/2010	Đá granit làm VLXD	Công ty Minexco	Xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	6,86	0	90.000	0	0	0	0	5.000	0	0	0	0	27/07/2028
3	2421/GP-BTNMT, 20/10/2016	Cát làm VLXD	Công ty Minexco	Đầm Môn xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	5,6	0	0	1.730.000	0	0	0	0	0	0	0	0	đến hết ngày 30/6/2021
4	1087/GP-BTNMT, 03/6/2011	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Bạch Việt	Xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh	5,38	0	56.250	0	0	0	0	2.000	0	0	0	0	03/06/2040
5	678/GP-BTNMT, 03/4/2017	Đá granit làm VLXD	Công ty cổ phần Phú Tài	Xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	5,4	0	350.588	0	0	0	0	11.765	0	0	0	0	20/08/2045
6	1291/GP-BTNMT, 30/6/2011	Đá granit làm VLXD	Công ty CP Chế biến gỗ Việt Đức	Xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh	5,46	0	930.000	0	0	0	0	35.000	0	0	0	0	30/01/2039
7	2663/GP-BTNMT, 17/11/2016	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH MTV Hà An Diên Khánh	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	8,96	0	1.400.871	0	0	0	0	50.000	0	0	0	0	17/11/2046
8	1246/GP-BTNMT, 28/6/2011	Đá granit làm VLXD	Công ty TNHH Bạch Việt	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	14,92	0	1.062.000	0	0	0	0	36.000	0	0	0	0	28/06/2041
9	2661/GP-BTNMT, 17/11/2016	Đá granit làm VLXD	Công ty Cổ phần An Phước	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	7,72	0	841.400	0	0	0	0	30.000	0	0	0	0	17/11/2046
10	2333/GP-BTNMT, 11/7/2018	Đá granit làm VLXD	Công ty cổ phần - Tổng Công ty cổ phần Phú Tài	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	18,8	0	146.165	0	0	0	0	50.000	0	0	0	0	11/07/2048
11	1192/GP-BTNMT, 19/05/2015	Nước khoáng	Cty CP Nước khoáng Khánh Hoà	Nước khoáng đóng chai Đảnh Thanh, xã Diên Tân, huyện Diên Khánh	-	-	-	-	0	0	-	-	-	-	500	0	20 năm
12	43/GP-BTNMT, 11/01/2005	Nước khoáng	Công ty TNHH Sao mai Thế kỷ 21	Lỗ khoan VPI, xã Vĩnh Phương	-	-	-	-	0	0	-	-	-	-	300	0	Đến tháng 2/2022

TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích KT (ha)	Trữ lượng khai thác				Công suất khai thác				Ghi chú (thời hạn KT)		
						Đất (m ³)	Đá (m ³)	Cát làm VLXDTT (m ³)	Cát làm VLXD (tấn)	Sét bùn (tấn)	Đất (m ³ /năm)	Đá (m ³ /năm)	Cát VLXDTT (m ³ /năm)		Cát làm VLXD (tấn/năm)	NK (m ³ /ngày)
8	1699/GP-UBND, 12/7/2012	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty CP ĐEDY Văn Phong	Xã Ninh Phước	15	773.659	3.819.400	0	0	0	45.000	200.000	0	0	0	20 năm
9	1598/GP-UBND, 17/6/2011	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng ADC	Hòn Giốc Mỏ, xã Ninh Lộc	20	1.046.160	8.700.312	0	0	0	0	350.000	0	0	0	26 năm
10	2200/GP-UBND, 17/8/2011	Đất, đá làm VLXDTT	DNTN Quang Lý	Thôn Tiên Du, xã Ninh Phú	0,9	35.818	2.367	0	0	0	4.000	1.000	0	0	0	7,5 năm
11	1303/GP-UBND, 29/5/2012	Đất, đá làm VLXDTT	DNTN Thuận Hoàng	xã Ninh Lộc	3	66.000	9.200	0	0	0	0	1.000	0	0	0	09 năm
12	1400/GP-UBND, 11/6/2012	Đất, đá làm VLXDTT	DNTN Ba Hồ	xã Ninh Lộc	1	0	5.500	0	0	0	0	700	0	0	0	08 năm
13	2776/GP-UBND, 21/9/2017	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty CP Việt Trung	Xã Ninh Phước	25,27	848.748,4	9.076.387	0	0	0	40.000	300.000	0	0	0	30 năm
14	2778/GP-UBND, 21/9/2017	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty CP Khoáng sản Peace	Xã Ninh Phước	24,09	1190.954,5	10.323.719	0	0	0	54.000	290.000	0	0	0	30 năm
15	1031/GP-UBND, 25/4/2012	Đất san lấp	Công ty TNHH Việt Đức	Xã Ninh Thọ	11,8	1.264.264	0	0	0	0	95.000	0	0	0	0	13 năm
16	1966/GP-UBND, 08/07/2016	Cát làm VLXD	Công ty TNHH Thương mại - Vận tải Hồng Phát	Xã Ninh Hưng	2,5	0	0	14.929	0	0	0	0	5.000	0	0	04 năm
17	3806/GP-UBND, 14/12/2017	Sét bùn	Tổng Công ty Khánh Việt	xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa	1,7	0	0	0	0	7.795	0	0	0	0	600	13 năm
18	357/GP-UBND ngày 31/01/2018	Sét bùn	Công ty cổ phần Du lịch - Khoáng nông Nhà Trang Seafoods F17	xã Ninh Quang, thị xã Ninh Hòa	1,9	0	0	0	0	17.800	0	0	0	0	600	30 năm
19	361/GP-UBND ngày 31/01/2018	Sét bùn	Công ty TNHH Sao mai Thế kỷ 21	xã Ninh Hưng, xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa	0,98	0	0	0	0	18.000	0	0	0	0	600	30 năm
20	359/GP-UBND ngày 31/01/2018	Sét bùn	Công ty TNHH Sao mai Thế kỷ 22	xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	0,43	0	0	0	0	13.199	0	0	0	0	600	22 năm
21	1455/GP-UBND ngày 25/5/2018	Sét bùn	Công ty TNHH Ponaga	xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	0,15	0	0	0	0	1.083	0	0	0	0	150	7,3 năm

TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích KT (ha)	Tổng lượng khai thác						Công suất khai thác						Ghi chú (thời hạn KT)	
						Đất (m ³)	Đá (m ³)	Cát làm VLXDĐT (m ³)	Cát làm VLXD (tấn)	Sét bùn (tấn)	Đất (m ³ /năm)	Đá (m ³ /năm)	Cát VLXDĐT (m ³ /năm)	Cát làm VLXD (tấn/năm)	NK (m ³ /ngày)	Sét bùn (tấn/năm)			
22	1989/GP-UBND, 27/7/2011	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty CP Quản lý và XD Đường bộ Khánh Hoà	Mỏ đá Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương	4,4	0	605.353	0	0	0	0	0	30.000	0	0	0	0	0	20 năm
23	5681/QĐ-UBND, 05/2/1997	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty CP VTTB GT Khánh Hoà	Mỏ đá Hòn Ngang, xã Diên Lâm	20	0	3.300.000	0	0	0	0	0	110.000	0	0	0	0	0	30 năm
24	846/QĐ-UBND, 26/3/1999	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty TNHH Hiền Vinh	Mỏ đá Hòn Ngang, xã Diên Sơn	20	0	2.340.000	0	0	0	0	0	78.000	0	0	0	0	0	30 năm
25	1926/GP-UBND, 09/8/2013	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty CP Kỹ thuật cầu đường An Phong	Mỏ đá Hòn Ngang, xã Diên Lâm	5	117.405	1.692.960	0	0	0	12.284	100.000	0	0	0	0	0	0	17,5 năm
26	3511/GP-UBND, 31/12/2013	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty CP QL sửa chữa GT Khánh Hoà	Mỏ đá Hòn Ngang, xã Diên Lâm	3,6	0	954.541	0	0	0	0	43.480	0	0	0	0	0	0	22 năm
27	72/GP-UBND, 09/01/2014	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty Cổ phần Á Châu	XÁ Diên Thọ	10	0	1.044.821	0	0	0	0	49.000	0	0	0	0	0	0	21,5 năm
28	1304/GP-UBND, 29/5/2012	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty TNHH Thạch Thảo	khu vực Suối Phên, xã Diên Lâm	2	0	67.988	0	0	0	0	2.300	0	0	0	0	0	0	30 năm
29	2218/GP-UBND, 6/9/2012	Đất, đá làm VLXDĐT	Chi nhánh Nhà Trang-Công ty CP Thiên Phú Phát	mỏ đá Hòn Ngang, xã Diên Sơn	10,31	599.270	1.491.779	0	0	0	80.000	120.000	0	0	0	0	0	0	12 năm 8 tháng
30	2132/GP-UBND, 6/8/2015	Đất, đá làm VLXDĐT	DNITN Thuận Danh	Mỏ đá Hòn Ngang, xã Diên Sơn	11,652	559.723	2.736.240	0	0	0	30.000	120.000	0	0	0	0	0	0	23 năm 7 tháng
31	912/GP-UBND, 06/4/2018	Cát làm VLXDĐT	Công ty TNHH Dịch vụ - Xây dựng Khánh Sơn	xã Diên Xuân, huyện Diên Khánh	6,6	0	469.853	0	0	0	0	0	20.000	0	0	0	0	0	23,5 năm
32	1782/GP-UBND, 21/6/2018	Cát làm VLXDĐT	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Thịnh Phát	sông Cái và nhánh sông Cái Diên Khánh, thuộc các xã Diên Đông, Diên Thọ, Diên Lâm	6,6	0	256.719	0	0	0	0	0	20.000	0	0	0	0	0	15 năm
33	3504/GP-UBND, 12/10/2016	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty TNHH MTV Hằng Hải	mỏ đá Hòn Nhon, xã Cam Hòa	12	96.439	1.493.670	0	0	0	50.000	60.000	0	0	0	0	0	0	25 năm 4 tháng (đến ngày 05/01/2042)
34	3499/GP-UBND, 18/11/2016	Đất, đá làm VLXDĐT	Công ty CP Mỏ đá Hòn Cầu	mỏ Hòn Cầu, xã Suối Cát	20	568.339	6.248.981	0	0	0	48.000	250.000	0	0	0	0	0	0	23 năm 8 tháng (đến ngày 30/6/2040)

TT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Diện tích KT (ha)	Trữ lượng khai thác			Công suất khai thác					Ghi chú (thời hạn KT)			
						Đất (m ²)	Đá (m ³)	Cát làm VLXDTT (m ³)	Cát làm VLXD (tấn)	Sét bùn (tấn)	Đất (m ³ /năm)	Đá (m ³ /năm)	Cát VLXDTT (m ³ /năm)		Cát làm VLXD (tấn/năm)	NK (m ³ /ngày)	Sét bùn (tấn/năm)
35	3844/GP-UBND, 13/12/2016	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty CPQL và XD ĐB Khánh Hòa	xã Suối Tân, huyện Cam Lâm	10,4	432.356	1.641.912	0	0	0	53.300	150.000	0	0	0	0	08 năm 02 tháng (đến ngày 02/02/2025)
36	1047/GP-UBND, 25/4/2011	Đất san lấp	Công ty TNHH Thành Nguyên Phát	Núi Hòn Xuân, xã Suối Cát	7	805.580	0	0	0	0	90.000	0	0	0	0	0	09 năm
37	3510/GP-UBND, 31/12/2013	Đất, đá làm VLXDTT	Chi nhánh Nhà Trang - Công ty CP Thiên Phú Phát	Xã Cam Phước Đông	18,42	775.193	7.403.953	0	0	0	34.000	260.000	0	0	0	0	29 năm
38	1810/GP-UBND, 30/7/2012	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty TNHH VLXD Tiến Lộc	mỏ Hồ Hành 2, xã Cam Phước Đông	25	55.479	6.492.868	0	0	0	3.800	200.000	0	0	0	0	30 năm
39	2119/GP-UBND, 27/8/2012	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty TNHH Phước Thành	mỏ Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông	25	53.828	7.151.618	0	0	0	3.800	200.000	0	0	0	0	30 năm
40	903/GP-UBND, 06/4/2011	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty TNHH Đá Hòa An 1	xã Cam Phước Đông	25,6	1.408.042	16.254.210	0	0	0	0	490.000	0	0	0	0	30 năm
41	1251/GP-UBND, 12/8/2011	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty CP Quản lý và XD Đường bộ Khánh Hòa	Mỏ đá Dốc Sạn, xã Cam Thịnh Đông	5	0	428.109	0	0	0	0	22.000	0	0	0	0	20 năm
42	1723/GP-UBND, 30/6/2015	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty TNHH Sản xuất VLXD Thành Đạt	mỏ Dốc Sạn, xã Cam Thịnh Đông	16	744.832	4.154.509	0	0	0	48.213	150.000	0	0	0	0	28 năm 4 tháng
43	2407/GP-UBND, 17/8/2017	Đất, đá làm VLXDTT	Công ty Cổ phần Khoáng Việt Khánh Hòa	Phường Ba Ngòi	7,6	202.666	2.240.031	0	0	0	6.700	80.000	0	0	0	0	29 năm
44	3210/GP-UBND, 26/11/2014	Đất san lấp	Công ty TNHH Minh Lộc	Xã Cam Thịnh Đông	19,105	1.729.474	0	0	0	0	96.000	0	0	0	0	0	18 năm 2 tháng
45	07/GP-UBND, 02/01/2014	Đất san lấp	Công ty CPDLĐV ở tổ Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Đông, xã Cam Thịnh Tây	15,49	1.129.516	0	0	0	0	96.000	0	0	0	0	0	11 năm 9 tháng
46	1399/GP-UBND, 11/6/2012	Đất san lấp	Công ty TNHH Khánh Ninh	xã Cam Thịnh Đông	12,75	1.215.191	0	0	0	0	95.000	0	0	0	0	0	12,5 năm
47	2444/GP-UBND, 18/8/2016	Đất san lấp	Công ty TNHH Quyết Thắng	xã Cam Thịnh Đông	5	524.878	0	0	0	0	96.000	0	0	0	0	0	11,5 năm

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 Kèm theo Báo cáo số 26 /BC-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục 4

TT	Loại khoáng sản	S.lượng KS nguyên khai	Khối lượng KS đã X.khẩu	Tiền cấp quyền KTKS (đồng)	Tiền trưng ĐG quyền KTKS	Tổng doanh thu (đồng)	Thuế tài nguyên (đồng)	Thuế xuất khẩu KS (đồng)	Thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)	Tiền ký quỹ PHMT (đồng)	Phí bảo vệ môi trường (đồng)	Số lao động S.dụng (người)	Đơn vị sản lượng KS
1	Đất san lấp (bóc tầng phù từ các mỏ đá)	41.395	0	-	0	-	-	0	-	-	-	-	m3
2	Đá làm VLXDĐT	991.271	-	15.967.499.450	0	165.446.600.343	18.308.659.995	-	760.845.974	5.928.124.532	5.269.020.340	234	m3
3	Sét bùn	3.240	0	765.668.000	0	220.423.833.078	156.941.850	0	1.200.000.000	0	8.578.320	24	tấn
4	Đá khối	19.376	9.138	4.375.456.000	0	106.174.008.610	8.387.359.900	0	60.000.000	529.435.835	1.752.519.547	114	m3
5	Nước khoáng tắm du lịch	438.206	0	6.352.239.000	0	261.614.416.539	1.139.892.000	0	2.400.000.000	52.131.003	1.316.159.300	11	m3
6	Nước khoáng đóng chai	73.214	0	0	0	216.889.002.715	2.356.876.000	0	-	24.794.124	0	450	m3
7	Cát trắng TT	224.027	0	0	0	131.968.000.000	12.585.000.000	0	5.550.000.000	0	1.209.000.000	10	tấn
8	Cát vàng làm VLXD	178.787	178.040	2.793.627.000	0	62.023.635.400	4.793.427.493	14.652.869.625	0	0	598.960.000	22	tấn
	Tổng	1.969.516	187.178	30.254.489.450	0	1.164.539.496.685	47.728.157.238	14.652.869.625	9.970.845.974	6.534.485.494	10.154.237.507	865	